

## GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2023 - 18/10/2023 to 21/10/2023

## Results - SANG NGÀY 1

## Event 101 Women 100 LC Meter VHCV

KLQG: 40.09 # 5/12/2022		Thi Duyen Cao		THA	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1	Nguyen Thi, Hang	21 Da Nang	40.00	42.85	q
	20.45	42.85 (22.40)			
2	Nguyen Nhat, Le Nguyen	18 Da Nang	41.00	43.11	q
	20.92	43.11 (22.19)			
3	Dang Thi, Vuong	17 Ha Noi	40.00	43.18	q
	20.67	43.18 (22.51)			
4	Pham Thi, Thu	21 Hai Duong	40.00	44.03	q
	20.53	44.03 (23.50)			
5	Duong Thuy, Hong	16 Quang Ninh	43.11	44.19	q
	21.66	44.19 (22.53)			
6	Tran Thi, Huyen Trang	23 Ha Noi	40.50	44.24	q
	21.54	44.24 (22.70)			
7	Pham Hoai, Anh	17 Thanh Hoa	47.09	44.63	q
	21.84	44.63 (22.79)			
8	Trinh Cam, Ly	13 Quan Doi	43.00	44.76	q
	21.28	44.76 (23.48)			
9	Pham Thi, Thuy Suong	15 Quang Binh	43.00	45.12	
	21.93	45.12 (23.19)			
10	Nguyen Thi, Thao	19 Nam Dinh	40.00	45.28	
	21.98	45.28 (23.30)			
11	Nguyen Thi, Thu	16 Quang Ninh	43.11	45.78	
	21.66	45.78 (24.12)			
12	Nguyen Thi, Diem Quynh	17 Thai Binh	45.50	47.98	
	23.75	47.98 (24.23)			
13	Vu Thi, Hong Nhung	19 Nam Dinh	43.00	48.12	
	23.03	48.12 (25.09)			
14	Lam Nhat, Vy	18 Tay Ninh	44.50	48.36	
	22.17	48.36 (26.19)			
15	Le Thi, Lam Lam	16 Quan Doi	43.00	48.38	
	23.44	48.38 (24.94)			
16	Le Thi, Kim Anh	19 Binh Thuan	49.39	50.44	
	24.56	50.44 (25.88)			
17	Tran Thi, Hoai Thuong	15 Dong Nai	43.50	50.56	
	24.92	50.56 (25.64)			
18	Nguyen Thi, Phuong Linh	14 Hai Duong	45.00	50.92	
	23.31	50.92 (27.61)			
19	Tran Ngoc, Minh Uyen	16 TP Ho Chi Minh	47.00	56.57	
	26.29	56.57 (30.28)			
---	Nguyen Luong, Nhung	17 Ha Noi	NT	X45.68	
	22.13	45.68 (23.55)			
---	Ha Phuong, Anh	14 Hai Duong	NT	X47.78	
	23.76	47.78 (24.02)			
---	Hoang Thi, Anh Thu	15 Thanh Hoa	NT	X49.04	
	22.99	49.04 (26.05)			
---	Trieu Yen, Nhi	13 Cong An Nhan Dan	NT	X51.42	
	24.74	51.42 (26.68)			
---	Tran Thi, Ngoc Lan	12 Hai Duong	NT	X55.89	
	27.09	55.89 (28.80)			

**GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2023 - 18/10/2023 to 21/10/2023**

**Results - SANG NGAY 1**

**Event 102 Men 100 LC Meter VHCV**

KLQG: 34.42 # 10/2016		Nguyen Thanh Loc		TP Ho Chi Minh		
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time		
<b>Preliminaries</b>						
1	Nguyen Thanh, Loc	28	TP Ho Chi Minh	35.90	38.30	q
	18.36	38.30 (19.94)				
2	Truong Minh, Quan	19	Quan Doi	36.50	38.54	q
	18.27	38.54 (20.27)				
3	Phan Thanh, Dai	17	Quang Binh	36.90	38.73	q
	18.96	38.73 (19.77)				
4	Dang Duc, Manh	21	Quan Doi	36.50	38.77	q
	19.07	38.77 (19.70)				
5	Dang Phu, Quoc	17	Ha Noi	NT	38.85	q
	18.98	38.85 (19.87)				
6	Do Dinh, Toan	26	TP Ho Chi Minh	36.40	39.41	q
	19.15	39.41 (20.26)				
7	Le Dang, Duc Viet	18	Ha Noi	37.50	39.73	q
	18.77	39.73 (20.96)				
8	Nguyen Duy, Anh	20	Da Nang	35.80	40.29	q
	17.72	40.29 (22.57)				
9	Nguyen Duy, Bao	16	Tay Ninh	39.50	41.13	
	19.54	41.13 (21.59)				
10	Le Khuong, Duy	15	Thanh Hoa	NT	41.68	
	20.76	41.68 (20.92)				
11	Dang Nguyen, Long Nhat	17	Da Nang	38.00	41.91	
	21.11	41.91 (20.80)				
12	Nguyen Hai, Nam	15	Quang Ninh	41.11	42.98	
	20.91	42.98 (22.07)				
13	Nguyen Dinh, Hieu	13	Nghe An	40.00	43.06	
	20.54	43.06 (22.52)				
14	Tran Quang, Huong	16	Quang Binh	39.12	44.13	
	21.39	44.13 (22.74)				
15	Truong Tran, Gia Tong	17	Binh Thuan	46.39	47.24	
	23.00	47.24 (24.24)				
16	Vu Dinh, Thien	14	Thanh Hoa	NT	52.78	
	24.73	52.78 (28.05)				
17	Tran Nhat, Tan	14	Hai Duong	40.00	55.04	
	26.22	55.04 (28.82)				
18	Nguyen Pham, Thanh Huy	13	Hai Duong	45.00	58.02	
	27.55	58.02 (30.47)				
---	Nguyen Huy, Anh	16	Ha Noi	NT	X38.47	
	18.38	38.47 (20.09)				
---	Ngo Tuan, Nghia	16	Quan Doi	NT	X39.40	
	19.22	39.40 (20.18)				
---	Vo vi, Tuong	15	Quan Doi	NT	X40.30	
	19.62	40.30 (20.68)				
---	Le Nguyen, Khang	17	Quan Doi	NT	X41.70	
	20.18	41.70 (21.52)				
---	Pham Khac, Nghia	17	Quan Doi	NT	X45.02	
	20.75	45.02 (24.27)				
---	Le Quang, Minh	12	Hai Duong	NT	X1:01.01	
	29.21	1:01.01 (31.80)				
---	Nguyen Van, Thanh	17	Nam Dinh	39.00	DQ	
	False start					
---	Pham Nhat, Anh	15	Nam Dinh	49.00	DQ	
	False start					
	19.29	DQ (23.33)				

## GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2023 - 18/10/2023 to 21/10/2023

## Results - SANG NGÀY 1

## Preliminaries ... (Event 102 Men 100 LC Meter VHCV)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
--- Pham Quoc, Viet Swimmer did not finish	13	Nghe An	42.00	DNF

## Event 103 Women 100 LC Meter CVD

KLQG: 48.68 # 12/2018 Cao Thi Duyen

Thanh Hoa

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
<b>Preliminaries</b>				
1 Le Thi, Thanh Van 25.25	19	Hai Duong	47.00	51.89 q
2 Pham Thi, Thu 25.58	21	Hai Duong	48.50	52.04 q
3 Nguyen Thi, Thao 25.96	19	Nam Dinh	48.00	53.03 q
4 Le Thi, Thanh Tuyen 25.47	14	Dong Nai	50.80	53.04 q
5 Mai Ngoc, Nhu Truc 25.82	17	Quan Doi	NT	53.11 q
6 Do Nguyen, Thuy Linh 26.25	14	Cong An Nhan Dan	51.80	53.16 q
7 Nguyen Thanh, Tra 25.90	14	Phu Tho	50.10	53.40 q
8 Tran Phuong, Linh 25.71	18	Ha Noi	51.50	53.45 q
9 Vu Thi, Tuyet Minh 25.91	15	Binh Thuan	53.38	54.25
10 Do Thi, Tuyet Mai 25.84	16	Hai Phong	52.00	54.27
11 Thach Thi, Diem My 26.26	16	Dong Nai	50.00	55.07
12 Nguyen Kieu, Oanh 26.88	16	Phu Tho	51.11	56.16
13 Pham Thanh, Truc 27.89	13	TP Ho Chi Minh	53.00	57.26
14 Cao Anh, Tuyet 27.45	13	Thanh Hoa	NT	57.52
15 Truong Thi, Thuy Le 27.24	16	Ha Nam	53.50	57.82
16 Tran Hoang, Uyen Nhi 27.34	19	Binh Thuan	55.23	58.05
17 Nguyen Thi, Hong Nhung 28.38	14	Quan Doi	NT	59.58
18 Tran Phuong, Nhi 28.70	18	Ha Noi	52.00	1:00.90
19 Tran Ngoc, Minh Uyen 31.86	16	TP Ho Chi Minh	54.00	1:07.12
20 Vu Thi, Tam Binh 30.38	13	Thai Binh	53.00	1:07.94
--- Nguyen Thi, Phuong Linh 27.64	14	Hai Duong	NT	X58.14
--- Tran Thi, Ngoc Lan 31.26	12	Hai Duong	NT	X1:05.05

## GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2023 - 18/10/2023 to 21/10/2023

## Results - SANG NGAY 1

## Event 104 Men 100 LC Meter CVD

KLQG: 43.09 # 10/2017		Ngo Phuc Sang		TP Ho Chi Minh	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Vu Dang, Nhat Nam	19	Dong Nai	42.80	46.17	q
	22.27	46.17 (23.90)			
2 Nguyen Thanh, Tung	15	Quan Doi	46.00	46.77	q
	22.29	46.77 (24.48)			
3 Vo Dinh, Phi	18	Hai Phong	44.50	46.99	q
	22.45	46.99 (24.54)			
4 Nguyen Ngoc, Huynh	28	Dong Nai	43.30	47.19	q
	22.49	47.19 (24.70)			
5 Dang Gia, Huan	17	TP Ho Chi Minh	NT	47.29	q
	23.50	47.29 (23.79)			
6 Vu Ngoc, Diep	15	Hai Duong	48.00	47.34	q
	22.50	47.34 (24.84)			
7 Vu Van, Bac	21	Phu Tho	42.30	47.37	q
	22.68	47.37 (24.69)			
8 Nguyen Nam, Khanh	15	Hai Duong	42.00	47.64	q
	22.84	47.64 (24.80)			
9 Nguyen Van, Thanh	17	Nam Dinh	47.00	47.66	
	23.24	47.66 (24.42)			
10 Nguyen Ngoc, Trai	22	Da Nang	NT	47.70	
	23.08	47.70 (24.62)			
11 Thai Quang, Minh	25	Ha Noi	46.50	47.79	
	23.30	47.79 (24.49)			
12 Nguyen Ngoc, Quang Minh	17	TP Ho Chi Minh	46.80	47.91	
	23.07	47.91 (24.84)			
13 Tran Van, Dung	17	Ha Noi	46.80	48.06	
	23.57	48.06 (24.49)			
14 Pham Nhat, Anh	15	Nam Dinh	49.00	48.73	
	23.65	48.73 (25.08)			
15 Le Trung, Hieu	19	Hai Phong	44.70	48.83	
	23.73	48.83 (25.10)			
16 Mai Xuan, Anh	18	Quan Doi	45.00	48.84	
	23.00	48.84 (25.84)			
17 Vu Nguyen, Nhat Minh	13	Cong An Nhan Dan	48.00	50.92	
	24.51	50.92 (26.41)			
18 Cao Van, Manh	14	Thanh Hoa	NT	53.45	
	25.46	53.45 (27.99)			
19 Dinh Viet, Hung	19	Phu Tho	45.00	56.57	
	26.43	56.57 (30.14)			
--- Bui Ngoc, Tien Anh	17	Quan Doi	NT	X48.61	
	23.64	48.61 (24.97)			
--- Trinh Tien, Dat	11	Phu Tho	NT	X51.25	
	25.32	51.25 (25.93)			
--- Mai Nguyen, Huu Loc	13	Hai Duong	NT	X1:01.66	
	29.28	1:01.66 (32.38)			

## Event 105 Women 400 LC Meter VHCV

KLQG: 3:19.80 # 12/2018		Luu Thi Thanh Thu		Ha Noi	
Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Dang Thi, Vuong	17	Ha Noi	3:30.00	3:34.22	q
	24.34	51.04 (26.70)	1:18.41 (27.37)	1:46.32 (27.91)	
	2:13.80 (27.48)	2:40.57 (26.77)	3:08.00 (27.43)	3:34.22 (26.22)	

**GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2023 - 18/10/2023 to 21/10/2023**

**Results - SANG NGAY 1**

**Preliminaries ... (Event 105 Women 400 LC Meter VHCV)**

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
2 Nguyen Tu, Anh	16	Nghe An	3:22.00	3:36.29	q
25.35	52.93 (27.58)	1:20.77 (27.84)	1:48.23 (27.46)		
2:15.65 (27.42)	2:43.36 (27.71)	3:11.20 (27.84)	3:36.29 (25.09)		
3 Pham Thi, Hong Diep	19	Thai Binh	3:26.00	3:36.41	q
26.30		1:19.54 ( )			
2:14.18 ( )		3:09.46 ( )	3:36.41 (26.95)		
4 Nguyen Vu, Thuy Duong	16	Da Nang	3:36.00	3:38.50	q
25.35	52.87 (27.52)	1:20.47 (27.60)	1:48.41 (27.94)		
2:16.61 (28.20)	2:44.50 (27.89)	3:12.17 (27.67)	3:38.50 (26.33)		
5 Pham Thi, Thuy Suong	15	Quang Binh	3:35.00	3:39.44	q
25.96	53.44 (27.48)	1:21.15 (27.71)	1:49.35 (28.20)		
2:17.29 (27.94)	2:45.52 (28.23)	3:13.50 (27.98)	3:39.44 (25.94)		
6 Nguyen Tran, San San	16	Ha Noi	3:20.00	3:39.95	q
25.19	53.78 (28.59)	1:21.69 (27.91)	1:50.09 (28.40)		
2:17.62 (27.53)	2:46.46 (28.84)	3:13.83 (27.37)	3:39.95 (26.12)		
7 Nguyen Thi, Phuong	16	Quang Ninh	3:43.00	3:40.02	q
26.29	53.07 (26.78)	1:20.81 (27.74)	1:49.20 (28.39)		
2:17.60 (28.40)	2:45.41 (27.81)	3:12.96 (27.55)	3:40.02 (27.06)		
8 Nguyen Nhat, Le Nguyen	18	Da Nang	3:31.00	3:40.44	q
25.01	52.54 (27.53)	1:20.72 (28.18)	1:49.00 (28.28)		
2:16.99 (27.99)	2:44.67 (27.68)	3:13.22 (28.55)	3:40.44 (27.22)		
9 Nguyen Thi, Thanh Thi	14	Quang Ninh	3:28.00	3:42.40	
25.44		1:20.39 ( )	3:42.40 (2:22.01)		
2:17.02 ( )		3:14.13 ( )	3:42.40 (28.27)		
10 Trinh Cam, Ly	13	Quan Doi	3:35.00	3:42.67	
25.76	52.42 (26.66)	1:20.14 (27.72)	1:48.10 (27.96)		
2:15.80 (27.70)	2:45.37 (29.57)	3:14.86 (29.49)	3:42.67 (27.81)		
11 Tran Thi, Hoai Thuong	15	Dong Nai	3:41.00	3:42.99	
24.87	51.54 (26.67)	1:19.16 (27.62)	1:47.49 (28.33)		
2:15.93 (28.44)	2:45.14 (29.21)	3:14.13 (28.99)	3:42.99 (28.86)		
12 Nguyen Hieu, Nhung	14	Nghe An	3:50.00	3:51.65	
26.19	55.32 (29.13)	1:24.74 (29.42)	1:55.24 (30.50)		
2:25.26 (30.02)	2:54.95 (29.69)	3:24.09 (29.14)	3:51.65 (27.56)		
13 Vu Thi, Tam Binh	13	Thai Binh	3:50.00	3:55.20	
26.59	55.10 (28.51)	1:24.63 (29.53)	1:55.02 (30.39)		
2:25.25 (30.23)	2:56.29 (31.04)	3:27.27 (30.98)	3:55.20 (27.93)		
14 Le Thi, Lam Lam	16	Quan Doi	3:35.00	3:57.26	
26.41	55.14 (28.73)	1:24.77 (29.63)	1:54.97 (30.20)		
2:25.34 (30.37)	2:56.23 (30.89)	3:26.96 (30.73)	3:57.26 (30.30)		
15 Ha Phuong, Anh	14	Hai Duong	3:50.00	3:59.06	
26.57	56.40 (29.83)	1:27.13 (30.73)	1:57.69 (30.56)		
2:28.34 (30.65)	2:59.58 (31.24)	3:29.92 (30.34)	3:59.06 (29.14)		
16 Le Thi, Nhung	14	Thanh Hoa	NT	4:09.47	
27.22	57.84 (30.62)	1:29.41 (31.57)	2:01.74 (32.33)		
2:34.34 (32.60)	3:06.96 (32.62)	3:39.44 (32.48)	4:09.47 (30.03)		
17 Nguyen Thi, Phuong Linh	14	Hai Duong	3:45.00	4:29.12	
29.35	1:01.14 (31.79)	1:34.60 (33.46)	2:09.50 (34.90)		
2:44.79 (35.29)	3:19.86 (35.07)	3:55.69 (35.83)	4:29.12 (33.43)		
--- Trieu Thi, Uyen	13	Quang Ninh	NT	X3:55.10	
28.06	57.53 (29.47)	1:27.69 (30.16)	1:57.96 (30.27)		
2:27.78 (29.82)	2:56.85 (29.07)	3:26.15 (29.30)	3:55.10 (28.95)		
--- Luu Ngoc, Minh Trang	13	Ha Noi	NT	X3:57.25	
26.72	57.35 (30.63)	1:27.46 (30.11)	1:57.61 (30.15)		
2:27.14 (29.53)	2:57.67 (30.53)	3:28.42 (30.75)	3:57.25 (28.83)		
--- Trieu Yen, Nhi	13	Cong An Nhan Dan	NT	X4:08.67	
28.23	58.28 (30.05)	1:29.95 (31.67)	2:02.48 (32.53)		
2:36.13 (33.65)	3:06.93 (30.80)	3:38.86 (31.93)	4:08.67 (29.81)		

## GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2023 - 18/10/2023 to 21/10/2023

## Results - SANG NGÀY 1

## Preliminaries ... (Event 105 Women 400 LC Meter VHCV)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
--- Tran Thi, Ngoc Lan	12	Hai Duong	NT	X4:37.10
29.30	1:01.26 (31.96)	1:35.04 (33.78)	2:10.76 (35.72)	
2:47.71 (36.95)	3:23.64 (35.93)	4:01.30 (37.66)	4:37.10 (35.80)	

## Event 106 Men 1500 LC Meter VHCV

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
<b>KLQG: 12:45.56 # 10/2020 Luu Nguyen Duc Tam TP Ho Chi Minh</b>					
1 Nguyen Van, Tai	15	Da Nang	13:55.00	13:54.65	
24.51	51.08 (26.57)	1:17.77 (26.69)	1:45.45 (27.68)		
2:13.02 (27.57)	2:40.49 (27.47)	3:08.15 (27.66)	3:36.31 (28.16)		
4:04.22 (27.91)	4:32.66 (28.44)	5:00.93 (28.27)	5:29.49 (28.56)		
5:58.16 (28.67)	6:26.43 (28.27)	6:54.78 (28.35)	7:23.30 (28.52)		
7:52.00 (28.70)	8:20.48 (28.48)	8:48.87 (28.39)	9:17.20 (28.33)		
9:45.05 (27.85)	10:13.27 (28.22)	10:41.13 (27.86)	11:09.38 (28.25)		
11:37.77 (28.39)	12:06.17 (28.40)	12:33.65 (27.48)	13:01.52 (27.87)		
13:28.82 (27.30)	13:54.65 (25.83)				
2 Pham Gia, Khiem	18	Ha Nam	13:42.00	14:18.36	
23.63	50.66 (27.03)	1:18.68 (28.02)	1:47.01 (28.33)		
2:15.71 (28.70)	2:44.64 (28.93)	3:13.27 (28.63)	3:42.25 (28.98)		
4:11.15 (28.90)	4:40.30 (29.15)	5:08.87 (28.57)	5:38.04 (29.17)		
6:07.18 (29.14)	6:36.51 (29.33)	7:05.35 (28.84)	7:34.30 (28.95)		
8:03.37 (29.07)	8:32.49 (29.12)	9:01.33 (28.84)	9:30.31 (28.98)		
9:59.65 (29.34)	10:29.13 (29.48)	10:58.63 (29.50)	11:27.75 (29.12)		
11:57.45 (29.70)	12:27.09 (29.64)	12:54.90 (27.81)	13:22.13 (27.23)		
13:52.43 (30.30)	14:18.36 (25.93)				
3 Vo Van, Vuong	17	Da Nang	13:45.00	14:18.62	
24.77	52.21 (27.44)	1:19.61 (27.40)	1:47.57 (27.96)		
2:16.07 (28.50)	2:44.65 (28.58)	3:13.14 (28.49)	3:42.15 (29.01)		
4:11.16 (29.01)	4:40.00 (28.84)	5:09.00 (29.00)	5:37.83 (28.83)		
6:07.19 (29.36)	6:36.38 (29.19)	7:05.17 (28.79)	7:34.44 (29.27)		
8:03.37 (28.93)	8:32.44 (29.07)	9:01.42 (28.98)	9:30.26 (28.84)		
9:59.57 (29.31)	10:29.00 (29.43)	10:58.69 (29.69)	11:27.95 (29.26)		
11:57.24 (29.29)	12:26.51 (29.27)	12:55.85 (29.34)	13:25.10 (29.25)		
13:52.52 (27.42)	14:18.62 (26.10)				
4 Le Nguyen, Khang	17	Quan Doi	13:50.00	14:29.13	
23.85	50.63 (26.78)	1:18.62 (27.99)	1:47.16 (28.54)		
2:16.34 (29.18)	2:44.86 (28.52)	3:13.86 (29.00)	3:43.46 (29.60)		
4:12.61 (29.15)	4:42.02 (29.41)	5:11.51 (29.49)	5:41.48 (29.97)		
6:11.38 (29.90)	6:41.60 (30.22)	7:11.69 (30.09)	7:41.63 (29.94)		
8:11.66 (30.03)	8:42.20 (30.54)	9:12.68 (30.48)	9:44.19 (31.51)		
10:12.80 (28.61)	10:41.70 (28.90)	11:09.81 (28.11)	11:37.38 (27.57)		
12:06.53 (29.15)	12:36.38 (29.85)	13:03.90 (27.52)	13:33.69 (29.79)		
14:02.62 (28.93)	14:29.13 (26.51)				
5 Van Tien, Huy	15	Ha Noi	14:20.00	14:33.21	
24.71	51.41 (26.70)	1:19.19 (27.78)	1:47.15 (27.96)		
2:15.80 (28.65)	2:44.94 (29.14)	3:13.96 (29.02)	3:42.91 (28.95)		
4:11.60 (28.69)	4:41.34 (29.74)	5:11.53 (30.19)	5:40.65 (29.12)		
6:10.26 (29.61)	6:39.79 (29.53)	7:09.54 (29.75)	7:39.52 (29.98)		
8:09.01 (29.49)	8:38.98 (29.97)	9:08.68 (29.70)	9:39.38 (30.70)		
10:09.19 (29.81)	10:39.25 (30.06)	11:09.31 (30.06)	11:38.46 (29.15)		
12:07.58 (29.12)	12:37.95 (30.37)	13:07.89 (29.94)	13:37.95 (30.06)		
14:07.19 (29.24)	14:33.21 (26.02)				

## GIAI LAN VO ĐỊCH QUỐC GIA NAM 2023 - 18/10/2023 to 21/10/2023

## Results - SANG NGAY 1

## (Event 106 Men 1500 LC Meter VHCV)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
6 Nguyen Khac, Thai Son	15	Ha Noi	14:30.00	15:25.97	
25.41	53.82 (28.41)	1:23.48 (29.66)	1:53.79 (30.31)		
2:24.50 (30.71)	2:55.68 (31.18)	3:26.57 (30.89)	3:57.67 (31.10)		
4:28.68 (31.01)	4:59.20 (30.52)	5:29.20 (30.00)	5:59.85 (30.65)		
6:31.79 (31.94)	7:03.89 (32.10)	7:35.42 (31.53)	8:07.43 (32.01)		
8:39.04 (31.61)	9:10.49 (31.45)	9:42.54 (32.05)	10:14.75 (32.21)		
10:46.72 (31.97)	11:18.35 (31.63)	11:49.66 (31.31)	12:21.09 (31.43)		
12:53.23 (32.14)	13:25.07 (31.84)	13:57.10 (32.03)	14:29.86 (32.76)		
14:57.20 (27.34)	15:25.97 (28.77)				
--- Pham Quoc, Viet	13	Nghe An	NT	X14:37.35	
25.24	52.62 (27.38)	1:21.18 (28.56)	1:50.26 (29.08)		
2:19.67 (29.41)	2:48.80 (29.13)	3:18.83 (30.03)	3:46.99 (28.16)		
4:16.40 (29.41)	4:45.61 (29.21)	5:15.38 (29.77)	5:45.07 (29.69)		
6:14.12 (29.05)	6:43.39 (29.27)	7:13.36 (29.97)	7:42.94 (29.58)		
8:12.77 (29.83)	8:42.13 (29.36)	9:11.27 (29.14)	9:40.66 (29.39)		
10:10.75 (30.09)	10:40.24 (29.49)	11:09.51 (29.27)	11:38.94 (29.43)		
12:08.78 (29.84)	12:37.98 (29.20)	13:08.19 (30.21)	13:37.83 (29.64)		
14:07.75 (29.92)	14:37.35 (29.60)				
--- Nguyen Dinh, Hieu	13	Nghe An	NT	X15:14.10	
26.78	55.83 (29.05)	1:25.06 (29.23)	1:56.11 (31.05)		
2:26.68 (30.57)	2:57.83 (31.15)	3:29.06 (31.23)	4:00.99 (31.93)		
4:32.42 (31.43)	5:04.17 (31.75)	5:35.32 (31.15)	6:06.77 (31.45)		
6:38.63 (31.86)	7:09.42 (30.79)	7:40.26 (30.84)	8:11.98 (31.72)		
8:43.65 (31.67)	9:15.78 (32.13)	9:47.27 (31.49)	10:18.72 (31.45)		
10:49.45 (30.73)	11:20.18 (30.73)	11:51.49 (31.31)	12:21.17 (29.68)		
12:51.32 (30.15)	13:20.86 (29.54)	13:50.19 (29.33)	14:19.29 (29.10)		
14:47.51 (28.22)	15:14.10 (26.59)				